

# **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SAM PHÚ**

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012  
**đã được kiểm toán**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 -05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	06 – 09
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	11 – 12
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	13 – 25



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### **Khái quát**

Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000327 ngày 17 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 ngày 09 tháng 07 năm 2009 với mã số doanh nghiệp là 3600825946.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm nhựa, nguyên vật liệu ngành nhựa trong công nghiệp và dân dụng;
- Mua bán các loại cáp, vật liệu viễn thông;
- Vận tải hàng hoá đường bộ;
- Cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Long Thành, Đường Phước Hữu, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Theo Nghị Quyết HĐQT số 01/NQ.HĐQT-SP ngày 17/11/2012 thì Hội đồng quản trị đã thống nhất phương án giải thể Công ty. Hiện tại Công ty đang lập phương án giải thể để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát trong năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này như sau :**

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Chương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Kiều	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Song Thái Dương	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Nguyên Thanh	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Đinh Thị Hoài Bắc	Trưởng ban
Ông Tạ Quang Vĩnh	Thành viên
Ông Lê Bá Hùng	Thành viên

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2012 cho Công ty.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### **Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**

---

**Lê Song Thái Dương**  
Tổng Giám đốc

*Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2013*







Số :42 /BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú được lập ngày 23/02/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### ***Cơ sở ý kiến***

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### ***Hạn chế phạm vi kiểm toán***

Tại thời điểm phát hành báo cáo chúng tôi chưa nhận được đầy đủ các biên bản xác nhận nợ phải thu và nợ phải trả và chúng tôi cũng không có điều kiện thực hiện các thủ tục thay thế cần thiết khác để xác định tính đúng đắn của các khoản nợ này. Mặt khác công nợ phải thu có nhiều đối tượng đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được trích lập dự phòng đầy đủ. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư các khoản mục trên cũng như ảnh hưởng của các số dư này đến các chi tiêu trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty.

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê quỹ tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2012 vì tại thời điểm này, chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán viên cho Công ty. Dựa vào sổ sách kế toán của Công ty, chúng tôi không có điều kiện để xác định được sự hiện hữu và giá trị của các tài sản trên bằng các thủ tục kiểm toán khác.

Như trình bày tại thuyết minh báo cáo tài chính số V.8 trang 19. Công ty và đối tác đã thanh lý phân xưởng sản xuất ống nhựa theo hợp đồng hợp tác số 04/HDHTKD ngày 09/12/2006 đã phân chia lỗ và tài sản của phân xưởng này. Giá trị đầu tư còn lại là 2.523.059.797 đồng chưa hạch toán giảm và chưa hạch toán tăng tài sản nhận lại là dây chuyền sản xuất ống nhựa PVC 3 lớp do chưa xác định được giá trị tài sản này. Chúng tôi cũng không có cơ sở để xác định giá trị của tài sản nhận về nên chúng tôi không có ý kiến về vấn đề này.

Theo Nghị Quyết HĐQT số 01/NQ.HĐQT-SP ngày 17/11/2012 thì Hội đồng quản trị đã thống nhất phương án giải thể Công ty. Hiện tại Công ty đang lập phương án giải thể để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Yếu tố này cho thấy Công ty sẽ chấm dứt hoạt động trong tương lai gần và ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục và chưa bao gồm bất cứ sự điều chỉnh cần thiết nào đến vấn đề này.

### **Hạn chế trong xử lý kế toán**

Tại thuyết minh Báo cáo tài chính số V.9 trang 20 thì khoản chi phí khấu hao được treo lại của những tài sản ngưng hoạt động là 1.015.885.875 đồng. Nếu được hạch toán vào chi phí sẽ làm cho kết quả sản xuất kinh doanh năm nay lỗ tăng thêm 1.015.885.875 đồng và lỗ lũy kế trên Cân đối kế toán sẽ tăng thêm tương ứng.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

**Phó Giám đốc**



**Nguyễn Minh Tiến**

Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2013*

**Kiểm toán viên**

**Lê Hồng Đào**

Chứng chỉ KTV số: 1732/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>6.721.943.057</b>	<b>8.811.103.870</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>250.866.806</b>	<b>513.098.760</b>
1. Tiền	111		250.866.806	113.098.760
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	400.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>2.666.815.629</b>	<b>3.339.788.217</b>
1. Phải thu khách hàng	131		2.472.083.585	2.876.612.373
2. Trả trước cho người bán	132		99.000.000	340.228.800
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	95.732.044	122.947.044
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	V.3	<b>3.612.095.308</b>	<b>4.759.381.004</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.734.460.509	4.906.096.588
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(122.365.201)	(146.715.584)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>192.165.314</b>	<b>198.835.889</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		28.703.536	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4	131.145.566	131.145.566
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	32.316.212	67.690.323
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>21.793.332.507</b>	<b>23.878.396.226</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>18.171.258.968</b>	<b>19.399.766.269</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	10.784.397.849	11.831.592.422
- Nguyên giá	222		19.097.839.738	18.758.146.556
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.313.441.889)	(6.926.554.134)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	7.386.861.119	7.568.173.847
- Nguyên giá	228		8.521.698.166	8.521.698.166
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.134.837.047)	(953.524.319)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250	V.8	<b>2.523.059.797</b>	<b>4.467.062.290</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.523.059.797	4.467.062.290
3. Đầu tư dài hạn khác	258		264.089.000	264.089.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(264.089.000)	(264.089.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>1.099.013.742</b>	<b>11.567.667</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1.099.013.742	11.567.667
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>28.515.275.564</b>	<b>32.689.500.096</b>

1388.  
CÔNG TY  
VHIỆM HI  
VỤ TƯ  
ÍNH KẾ  
KIỂM TỐ  
M VI  
TP. HỒ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		<b>591.952.355</b>	<b>735.370.550</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		<b>591.952.355</b>	<b>735.370.550</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		148.556.520	437.031.917
3. Người mua trả tiền trước	313		35.703.051	10.342.181
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	11.280.331	16.626.977
5. Phải trả người lao động	315		45.130.467	169.724.803
6. Chi phí phải trả	316	V.11	129.020.290	42.318.524
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	222.261.696	59.326.148
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		<b>27.923.323.209</b>	<b>31.954.129.546</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.13	<b>27.923.323.209</b>	<b>31.954.129.546</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		36.317.234	36.317.234
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		36.317.234	36.317.234
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(22.149.311.259)	(18.118.504.922)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>28.515.275.564</b>	<b>32.689.500.096</b>

C.T.P.  
U HẠN  
VẤN  
TOÁN  
AN  
T  
CHI MINH

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Nga

Nguyễn Thị Nga

Lê Song Thái Dương

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2013





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	VI.1	<b>3.716.884.150</b>	<b>5.377.295.269</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	315.972.000	762.652.588
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	VI.3	<b>3.400.912.150</b>	<b>4.614.642.681</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	VI.4	<b>2.803.147.350</b>	<b>4.280.395.714</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>597.764.800</b>	<b>334.246.967</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	26.505.115	111.236.531
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	1.944.514.894	774.633.418
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	392.650.559
8. Chi phí bán hàng	24		821.901.359	1.443.826.306
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.888.659.999	2.730.417.635
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(4.030.806.337)</b>	<b>(4.503.393.861)</b>
11. Thu nhập khác	31		-	436.915.189
12. Chi phí khác	32		-	227.698.684
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>209.216.505</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(4.030.806.337)</b>	<b>(4.294.177.356)</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(4.030.806.337)</b>	<b>(4.294.177.356)</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	VI.8	<b>(806)</b>	<b>(859)</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Nga

Nguyễn Thị Nga

Lê Song Thái Dương

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		4.493.101.353	12.359.739.021
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3.604.174.569)	(5.932.294.294)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(737.523.534)	(1.292.408.025)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	(392.650.559)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		40.711.445	24.003.600
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(141.158.582)	(496.645.311)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>50.956.113</b>	<b>4.269.744.432</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(339.693.182)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	445.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	654.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.505.115	111.236.531
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(313.188.067)</b>	<b>1.210.236.531</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	3.624.512.500
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(8.638.608.250)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(5.014.095.750)</b>

33052  
 CC  
 TRÁCH N  
 DỊCH  
 TÀI CHỈ  
 VÀ K  
 NA  
 NT-7

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**  
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(262.231.954)	465.885.213
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		513.098.760	47.213.547
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	250.866.806	513.098.760

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Nga

Nguyễn Thị Nga

Lê Song Thái Dương

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2013

3884  
CÔNG TY  
NHỰA SAM PHÚ  
VỤ TỰ  
NH KẾ  
TỔNG TÀI  
M VII  
P.HỒ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2012

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000327 ngày 17 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 ngày 09 tháng 07 năm 2009 với mã số doanh nghiệp là 3600825946.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Long Thành, Đường Phước Hữu, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, kinh doanh, dịch vụ

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm nhựa, nguyên vật liệu ngành nhựa trong công nghiệp và dân dụng; Mua bán các loại cáp, vật liệu viễn thông; Vận tải hàng hoá đường bộ; Cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.



***BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
- Máy móc thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 năm

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng là 47 năm.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";

***BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên số kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu hoạt động tài chính*



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**12. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**13. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	17.367.119	19.102.897
Tiền gửi ngân hàng	233.499.687	93.995.863
Các khoản tương đương tiền	-	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>250.866.806</b>	<b>513.098.760</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu thuế hàng bán bị trả lại	76.265.261	76.265.261
Phải thu tiền BHXH	1.000.000	28.215.000
Phải thu khác	18.466.783	18.466.783
<b>Cộng</b>	<b>95.732.044</b>	<b>122.947.044</b>

**3. Hàng tồn kho**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	456.904.815	718.150.895
Công cụ, dụng cụ	9.153.516	8.753.516
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.078.103	40.562.883
Thành phẩm	2.761.040.137	3.607.003.057
Hàng hóa	118.646.765	112.702.921
Hàng gửi đi bán	374.637.173	418.923.316
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>3.734.460.509</b>	<b>4.906.096.588</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	122.365.201	146.715.584
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho:</b>	<b>3.612.095.308</b>	<b>4.759.381.004</b>

**4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	131.145.566	131.145.566
Thuế phải thu khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>131.145.566</b>	<b>131.145.566</b>

**5. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	17.316.212	35.278.878
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.000.000	32.411.445
<b>Cộng</b>	<b>32.316.212</b>	<b>67.690.323</b>

3884  
 NG T  
 HIEM HU  
 VU TU  
 NH KE  
 HIEM TC  
 MI VII  
 P. HO

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình</b>					
Số dư đầu năm	9.584.657.350	7.403.854.175	1.725.192.231	44.442.800	18.758.146.556
Số tăng trong năm	-	339.693.182	-	-	339.693.182
- Mua sắm mới	-	339.693.182	-	-	339.693.182
- Xây dựng mới	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.584.657.350</b>	<b>7.743.547.357</b>	<b>1.725.192.231</b>	<b>44.442.800</b>	<b>19.097.839.738</b>
<b>Giá trị đã hao mòn</b>					
Số dư đầu năm	2.732.791.449	3.225.060.779	924.259.106	44.442.800	6.926.554.134
Khấu hao trong năm	543.963.518	648.187.673	194.736.564	-	1.386.887.755
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.276.754.967</b>	<b>3.873.248.452</b>	<b>1.118.995.670</b>	<b>44.442.800</b>	<b>8.313.441.889</b>
<b>Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình</b>					
Tại ngày đầu năm	6.851.865.901	4.178.793.396	800.933.125	-	11.831.592.422
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>6.307.902.383</b>	<b>3.870.298.905</b>	<b>606.196.561</b>	<b>-</b>	<b>10.784.397.849</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	<b>Quyền sử dụng đất</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	8.521.698.166
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	<b>8.521.698.166</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	953.524.319
Số tăng trong năm	181.312.728
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	<b>1.134.837.047</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày đầu năm	7.568.173.847
Tại ngày cuối năm	<b>7.386.861.119</b>

**8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	VND	VND
Góp vốn liên doanh (a)	2.523.059.797	4.467.062.290
Đầu tư dài hạn khác (b)	264.089.000	264.089.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(264.089.000)	(264.089.000)
<b>Cộng</b>	<b>2.523.059.797</b>	<b>4.467.062.290</b>

(a) Góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Cáp Thăng Long thành lập phân xưởng ống nhựa tại Khu công nghiệp Phối Nối, Tỉnh Hưng Yên theo hợp đồng hợp tác số 04/HDHTKD ngày 09/12/2006. Theo Biên bản Đại hội cổ đông phân xưởng sản xuất ống nhựa ngày 30/09/2011 và Biên bản họp giải quyết tồn đọng phân xưởng ống nhựa ngày 17/07/2012 thì các bên góp vốn thống nhất thanh lý phân xưởng sản xuất ống nhựa và phân chia tài sản. Theo đó Công ty nhận khoản lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh của phân xưởng ống nhựa là 1.944.002.493 đồng và nhận lại tài sản là dây chuyền sản xuất ống nhựa PVC 3 lớp. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2012 Công ty mới hạch toán giảm giá trị đầu tư, tăng lỗ số tiền 1.944.002.493 đồng giá trị đầu tư còn lại là 2.523.059.797 đồng chưa hạch toán giảm do chưa xác định được giá trị tài sản là dây chuyền sản xuất ống nhựa PVC 3 lớp.

(b) Khoản đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Cáp Thăng Long thành lập phân xưởng cáp quang tại Khu công nghiệp Phối Nối, Tỉnh Hưng Yên. Phân xưởng cáp quang hoạt động không hiệu quả và hiện tại không còn hoạt động, chờ bán thanh lý tài sản.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.015.885.875	-
Công cụ, dụng cụ khác	83.127.867	11.567.667
<b>Cộng</b>	<b>1.099.013.742</b>	<b>11.567.667</b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế Giá trị gia tăng	9.384.048	4.618.330
Thuế thu nhập cá nhân	1.896.283	12.008.647
<b>Cộng</b>	<b>11.280.331</b>	<b>16.626.977</b>

**11. Chi phí phải trả**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thù lao HĐQT	94.020.290	-
Chi phí phải trả khác	35.000.000	42.318.524
<b>Cộng</b>	<b>129.020.290</b>	<b>42.318.524</b>

**12. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	16.598.300	20.998.300
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	13.187.139	9.657.491
Các khoản phải trả, phải nộp khác	192.476.257	28.670.357
- Thu hộ KPCĐ	-	12.410.300
- Phải trả CNV tiền phụ cấp	-	12.220.000
- Tiền đặt cọc thuê nhà xưởng	165.000.000	-
- Phải trả khác	27.476.257	4.040.057
<b>Cộng</b>	<b>222.261.696</b>	<b>59.326.148</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**13. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	36.317.234	36.317.234	(13.824.327.566)
Lỗ trong năm trước				(4.294.177.356)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	36.317.234	36.317.234	(18.118.504.922)
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	36.317.234	36.317.234	(18.118.504.922)
Lỗ trong năm nay				(4.030.806.337)
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	36.317.234	36.317.234	(22.149.311.259)

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sacom	12.548.190.000	25,10%	12.548.190.000	25,10%
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	4.182.730.000	8,37%	4.182.730.000	8,37%
Cổ đông khác	33.269.080.000	66,54%	33.269.080.000	66,54%
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2012	01/01/2012
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng / Cổ phiếu

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	3.142.426.545	5.344.386.178
Doanh thu cung cấp dịch vụ	574.457.605	32.909.091
<b>Cộng</b>	<b>3.716.884.150</b>	<b>5.377.295.269</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	315.972.000	762.652.588
<b>Cộng</b>	<b>315.972.000</b>	<b>762.652.588</b>

**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	2.826.454.545	4.581.733.590
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	574.457.605	32.909.091
<b>Cộng</b>	<b>3.400.912.150</b>	<b>4.614.642.681</b>

3213  
 CÔNG  
 CH NH  
 CH VI  
 CHÍN  
 Á KIẾ  
 NAN  
 TP

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**4. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ	2.803.147.350	4.280.395.714
<b>Cộng</b>	<b>2.803.147.350</b>	<b>4.280.395.714</b>

**5. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.505.115	15.236.531
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	96.000.000
<b>Cộng</b>	<b>26.505.115</b>	<b>111.236.531</b>

**6. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	-	392.650.559
Lỗ do bán cổ phiếu	-	2.946.000.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	(2.567.911.000)
Lỗ phân chia từ hợp đồng liên doanh	1.944.002.493	-
Chi phí tài chính khác	512.401	3.893.859
<b>Cộng</b>	<b>1.944.514.894</b>	<b>774.633.418</b>

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(4.030.806.337)</b>	<b>(4.294.177.356)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>(4.030.806.337)</b>	<b>(4.294.177.356)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.030.806.337)	(4.294.177.356)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.030.806.337)	(4.294.177.356)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi / (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(806)</b>	<b>(859)</b>

**7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.674.789.223	3.241.673.593
Chi phí nhân công	931.542.725	1.506.743.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	558.729.758	1.835.015.633
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.170.073.380	702.312.114
Chi phí khác bằng tiền	155.304.780	349.386.244
<b>Cộng</b>	<b>4.490.439.866</b>	<b>7.635.130.939</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong năm tài chính 2012, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH MTV Dây và Cáp SACOM	Công ty liên kết	Bán hàng	797.693.909

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, không còn các khoản công nợ với các bên liên quan.

***BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

***Lĩnh vực kinh doanh***

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là Sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa, nguyên vật liệu ngành nhựa. Do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

***Khu vực địa lý***

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

**4. Thông tin về hoạt động liên tục**

Theo Nghị Quyết HĐQT số 01/NQ.HĐQT-SP ngày 17/11/2012 thì Hội đồng quản trị đã thống nhất phương án giải thể Công ty, hiện tại Công ty đang lập phương án giải thể để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Yếu tố này cho thấy Công ty sẽ chấm dứt hoạt động trong tương lai gần và ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Nga**

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Nga**

\_\_\_\_\_  
**Lê Song Thái Dương**

*Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2013*

